

THÔNG BÁO
Kết quả thi tiếng Anh tăng cường học kỳ 2 năm học 2022-2023 tại Hà Nội

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
1	1	2151042228	Nguyễn Long	An	63CX3	18	0	6	9	33	
2	2	2151133472	Trịnh Hải	An	63GT	21.5	7	14	10	52.5	
3	3	2251122787	Nguyễn Khắc	An	64KTĐ4	22	25.5	13.5	13	74	Đạt
4	5	2251050946	Phan Quốc	An	64CK-QLM	20.5	4	12	11	47.5	
5	6	2251201212	Vũ Đức	An	64CĐT2	15	10.5	4.5	6	36	
6	7	2051204495	Đỗ Tuấn	Anh	62CĐT4	15	9.5	10.5	10	45	
7	8	2051133277	Nghiêm Tuấn	Anh	62GT	14.5	11.5	9	11	46	
8	9	1951121254	Ngô Quang	Anh	61KTĐ-HTĐ	14.5	18	17	12	61.5	Đạt
9	10	2154035190	Nguyễn Quyền	Anh	63KT2	23	25	6	8	62	Đạt
10	11	2151133474	Trần Cao	Anh	63GT	18.5	14.5	14.5	11	58.5	Đạt
11	12	2254054439	Chu Thị Vân	Anh	64TMĐT2	23.5	22.5	11.5	15	72.5	Đạt
12	13	2251243233	Đào Hùng	Anh	64ĐTVT4	23	23	14.5	11	71.5	Đạt
13	14	2254084935	Đoàn Phạm Quỳnh	Anh	64TCNH2	22.5	18	20	13	73.5	Đạt
14	15	2254095057	Lê Mai	Anh	64KTA2	18.5	10	9	10	47.5	
15	16	2254033965	Lê Ngọc	Anh	64KT1	29	29.5	17	17	92.5	Đạt
16	17	2251243238	Mai Đình Thế	Anh	64ĐTVT2	14	7	8.5	8	37.5	
17	18	2254074791	Nguyễn Hữu Hoàng	Anh	64LG1	18.5	13	10	7	48.5	
18	19	2251130561	Nguyễn Hữu Tiên	Anh	64GT2	16.5	3.5	6	6	32	
19	20	2251050953	Nguyễn Thế	Anh	64CTM	25.5	26	13	16	80.5	Đạt
20	21	2254054448	Nguyễn Thị Lan	Anh	64TMĐT2	26	25.5	16.5	13	81	Đạt
21	22	2251195779	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	64CNSH2	26.5	17.5	14.5	14	72.5	Đạt
22	23	2254064623	Nguyễn Thị Quế	Anh	64QTDL1	21	17.5	12.5	12	63	Đạt
23	24	2251201223	Phạm Hoàng	Anh	64CĐT2	23	13	5.5	8	49.5	
24	25	2251201224	Phạm Minh	Anh	64CĐT4	11	16	12.5	8	47.5	
25	26	2251231489	Phạm Quốc	Anh	64KTO3	18	15	7.5	14	54.5	Đạt
26	27	2251122804	Tổng Hoàng	Anh	64KTĐ2	12.5	14.5	11.5	13	51.5	Đạt
27	28	2251213058	Trần Đức	Anh	64TĐH1	22	13	8	15	58	Đạt
28	29	2251243247	Trần Duy	Anh	64ĐTVT3	22.5	12	9.5	14	58	Đạt
29	30	2254044155	Trần Ngọc	Anh	64KTXD3	13	2	9	8	32	
30	31	2251050958	Trần Nhật Nam	Anh	64CK-CNCK	17.5	19	11.5	16	64	Đạt
31	32	2254044156	Trần Quế	Anh	64KTXD4	30	30	18.5	18	96.5	Đạt
32	33	2254064629	Trần Thị Lan	Anh	64QTDL1	24	25	11	13	73	Đạt
33	34	2251243251	Vũ Đức	Anh	64ĐTVT2	9	3	BT	BT	12	
34	35	2254044158	Vũ Hồng	Anh	64KTXD4	21.5	10.5	9	8	49	
35	36	2154061123	Mẫn Thị	Ánh	63QTDL2	30	24.5	17.5	14	86	Đạt
36	37	2151140466	Phạm Thị Minh	Ánh	63QLXD2	16.5	13.5	6	10	46	
37	38	2254054461	Trần Thị Ngọc	Ánh	64TMĐT1	23	17.5	10.5	17	68	Đạt
38	39	2251122808	Vũ Xuân	Bách	64KTĐ4	23	23	7.5	9	62.5	Đạt
39	40	2251231493	Lê Văn	Bách	64KTO2	18.5	9	3	8	38.5	
40	41	2251201232	Phạm Thế	Bách	64CĐT1	21.5	13	11	11	56.5	Đạt
41	42	2151101375	Nguyễn Việt	Bảo	63HP	24.5	21.5	12.5	12	70.5	Đạt
42	43	2254105240	Bùi Thị	Bình	64KTS3	24	18.5	10	13	65.5	Đạt

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
43	45	2251195789	Nguyễn Khắc Bình	64CNSH1	21.5	11	10	14	56.5	Đạt
44	46	2251050965	Phùng Đắc Bình	64CK-CNCK	15.5	17.5	16	9	58	Đạt
45	47	2151022141	Nguyễn Thị Linh Chi	63N	19.5	18.5	12	12	62	Đạt
46	48	2251110388	Vũ Thị Yên Chi	64CT3	17	4	8.5	4	33.5	
47	49	2251195794	Vũ Thùy Linh Chi	64CNSH2	18.5	14	16	4	52.5	
48	50	2151210704	Nguyễn Mạnh Chiến	63TĐH3	12.5	13	15.5	6	47	
49	51	2054015691	Nguyễn Văn Chiến	62K-PT	14	9	6	7	36	
50	52	2254044169	Phạm Thi Chuẩn	64KTXD3	18	1	12	8	39	
51	53	2151133476	Lê Văn Chung	63GT	11.5	13.5	8.5	9	42.5	
52	55	2151070312	Lê Minh Công	63CTN	12	4	4.5	4	24.5	
53	56	2051215429	Phan Thành Công	62TĐH-ĐK1	14	5.5	7.5	4	31	
54	57	2151052444	Trần Minh Công	63CTM	20	21	16	14	71	Đạt
55	58	2251122820	Nguyễn Quang Thành Công	64KTĐ4	29	26.5	15.5	13	84	Đạt
56	59	2251040155	Nguyễn Thành Công	64CX3	28.5	29	12.5	14	84	Đạt
57	60	2251110393	Đậu Hùng Cường	64CT3	12	1	7.5	4	24.5	
58	61	2251231499	Đinh Phú Cường	64KTO3	26	23	9.5	13	71.5	Đạt
59	62	2251122825	Lê Tuấn Cường	64KTĐ2	23.5	24	10	11	68.5	Đạt
60	63	2251201245	Lương Mạnh Cường	64CĐT1	26.5	6.5	8.5	9	50.5	
61	64	2251213069	Phạm Thế Cường	64TĐH2	21	24.5	18	12	75.5	Đạt
62	66	2151230753	Lê Văn Trọng Đại	63KTO2	14	11.5	9	14	48.5	
63	67	2251243270	Nguyễn Văn Đại	64ĐTVT4	20	9	12	15	56	Đạt
64	68	2251110396	Thịnh Thành Đăng	64CT3	19	3.5	7.5	4	34	
65	70	2051043151	Nguyễn Văn Đạt	62CX2	20.5	9.5	6	9	45	
66	71	2151204004	Quách Tuấn Đạt	63CĐT2	26.5	21	14	16	77.5	Đạt
67	72	2151120440	Tạ Quốc Đạt	63KTĐ3	25.5	15	5.5	12	58	
68	75	2251201254	Lê Quốc Đạt	64CĐT4	24.5	24	9.5	10	68	Đạt
69	76	2251050984	Mai Văn Đạt	64CK-CNCK	13	7.5	10	9	39.5	
70	78	2251130578	Vũ Thành Đạt	64GT2	16	1	3	4	24	
71	80	2251050986	Phạm Văn Diệp	64CK-TDH	21.5	20.5	13	13	68	Đạt
72	82	2254044179	Nguyễn Tiến Đoàn	64KTXD1	21.5	22.5	14	9	67	Đạt
73	83	2254074813	Bùi Quý Đôn	64LG1	10.5	10	11.5	8	40	
74	84	2151214189	Lê Ngọc Đông	63TĐH1	19.5	16.5	8.5	8	52.5	Đạt
75	85	2251130581	Hoàng Ngọc Đồng	64GT2	10.5	3	3	2	18.5	
76	88	2051204307	Nguyễn Văn Đức	62CĐT4	15.5	13.5	7	6	42	
77	89	1951050334	Nguyễn Viết Đức	61CK-QLM	16	11	8.5	7	42.5	
78	90	2151123353	Phạm Văn Đức	63KTĐ2	19.5	18.5	9	12	59	Đạt
79	92	2251050999	Nguyễn Duy Đức	64CTM	20	16	16	12	64	Đạt
80	94	2251213083	Phùng Viết Đức	64TĐH1	29	22.5	13.5	13	78	Đạt
81	95	2251010023	Lương Cẩm Dung	64C1	22.5	22.5	12	10	67	Đạt
82	96	1951040222	Bạch Tiến Dũng	61CX	28.5	29.5	18.5	17	93.5	Đạt
83	98	2151210685	Tạ Hùng Dũng	63TĐH3	16	6	9	4	35	
84	99	2254013602	Bùi Đăng Dũng	64K1	24.5	21	12	8	65.5	Đạt
85	100	2251213085	Đặng Quang Dũng	64TĐH1	22	22.5	13	10	67.5	Đạt
86	101	2254074820	Nguyễn Dũng	64LG2	18	6	7.5	4	35.5	
87	102	2254013603	Nguyễn Bá Dũng	64K1	16.5	14	10.5	10	51	Đạt
88	103	2251201273	Nguyễn Đức Dũng	64CĐT2	25	11.5	17.5	9	63	Đạt
89	104	2251243288	Nguyễn Quốc Dũng	64ĐTVT2	26	25.5	20	14	85.5	Đạt

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
90	105	2254074821	Nguyễn Thế Dũng	64LG2	20.5	13.5	9	8	51	Đạt
91	106	2251051004	Nguyễn Tiến Dũng	64CTM	26	24.5	15	14	79.5	Đạt
92	108	2251213089	Phạm Anh Dũng	64TĐH2	19	22	18	9	68	Đạt
93	109	2251122850	Phạm Đức Dũng	64KTĐ4	21	21	16	13	71	Đạt
94	110	2254044189	Tô Hiền Dũng	64KTXD4	25	15	20	12	72	Đạt
95	111	2251130591	Vũ Tiến Dũng	64GT2	9	3	7.5	3	22.5	
96	112	1951222115	Nguyễn Đức Dược	61CTM	17.5	11	8.5	12	49	
97	113	2051050240	Nguyễn Thái Dương	62CK-MXD	11.5	9.5	9	12	42	
98	114	2151012023	Nguyễn Văn Dương	63C1	22	6	7	7	42	
99	115	2251231523	Đặng Công Dương	64KTO2	26	9.5	12	4	51.5	
100	116	2251040176	Lê Tùng Dương	64CX3	14	11	8	8	41	
101	117	2251243292	Nguyễn Bình Dương	64ĐTVT2	22.5	10	11	11	54.5	Đạt
102	118	2254044197	Nguyễn Thùy Dương	64KTXD3	18.5	23	15.5	14	71	Đạt
103	119	2251243297	Trần Đức Dương	64ĐTVT2	19.5	7.5	9	6	42	
104	121	2251130594	Bùi Ngọc Duy	64GT2	12	1	9	4	26	
105	122	2254013607	Đinh Anh Duy	64K1	18	19.5	14	13	64.5	Đạt
106	123	2251243301	Lê Đức Duy	64ĐTVT2	19	14.5	10	12	55.5	Đạt
107	124	2251122858	Lê Khánh Duy	64KTĐ4	17.5	20.5	11	10	59	Đạt
108	125	2254105255	Lê Ngọc Duy	64KTS2	20	6.5	10	8	44.5	
109	126	2251122863	Trương Đức Duy	64KTĐ4	18.5	7	11	7	43.5	
110	128	2254044205	Nguyễn Phương Duyên	64KTXD4	23	22.5	16.5	15	77	Đạt
111	129	2254054483	Nguyễn Thị Xuân Duyên	64TMĐT2	27	25	17	14	83	Đạt
112	130	2254084958	Nguyễn Thị Huệ Ẻn	64TCNH2	24	19	17	14	74	Đạt
113	131	2254064653	Bùi Hồng Gám	64QTDL1	12	8.5	11	10	41.5	
114	132	2254023795	Đinh Thị Hương Giang	64QT2	22.5	15	13	12	62.5	Đạt
115	133	2254013614	Nguyễn Thị Hương Giang	64K1	18.5	11	6.5	12	48	
116	134	2251243304	Nguyễn Trường Giang	64ĐTVT4	13.5	4	6	12	35.5	
117	135	2254084962	Trần Hương Giang	64TCNH2	26.5	24.5	15	11	77	Đạt
118	136	2251122867	Đỗ Lê Xuân Giáp	64KTĐ1	19.5	8	11.5	10	49	
119	137	2251122869	Nguyễn Văn Thanh Giáp	64KTĐ1	16	15.5	7.5	10	49	
120	138	2154031269	Bùi Thu Hà	63KT2	24.5	23.5	20	15	83	Đạt
121	139	2151113176	Đỗ Văn Hà	63CT2	16	4.5	12	8	40.5	
122	140	2151204015	Khổng Giang Hoàng Hà	63CĐT2	23.5	21	17	10	71.5	Đạt
123	142	2254084965	Phùng Thị Hà	64TCNH2	24.5	27	19	13	83.5	Đạt
124	143	2251195806	Trần Thị Thu Hà	64CNSH2	18	7	6	9	40	
125	144	2251283519	Nguyễn Đăng Hạ	64KTRB	18.5	14	8.5	11	52	Đạt
126	145	2154051085	Chu Văn Mạnh Hải	63TMDT1	16	5.5	8.5	6	36	
127	146	2251201295	Ngô Thanh Hải	64CĐT2	24	23.5	16	13	76.5	Đạt
128	148	2251122873	Nguyễn Xuân Hải	64KTĐ3	20	22	9	4	55	
129	149	2251231532	Phạm Hoàng Hải	64KTO2	21.5	7.5	8.5	12	49.5	
130	150	2251201297	Trần Đức Hải	64CĐT4	19.5	3	4.5	4	31	
131	151	2054011681	Đoàn Nhật Hằng	62K-PT	28.5	27.5	14.5	12	82.5	Đạt
132	153	2254044221	Lê Thị Hằng	64KTXD4	13.5	3	7.5	4	28	
133	154	2251130599	Phương Thị Thanh Hằng	64GT2	23.5	16	13.5	11	64	Đạt
134	155	2254054489	Đỗ Thị Hạnh	64TMĐT1	21	25.5	15	13	74.5	Đạt
135	156	2251195807	Ngô Thị Hạnh	64CNSH2	17.5	16.5	16	10	60	Đạt
136	157	2254095106	Trịnh Thúy Hạnh	64KTA2	21	21	18.5	13	73.5	Đạt

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
137	158	2251243314	Nghiêm Đình Hào	64ĐTVT1	22	25.5	13.5	13	74	Đạt
138	160	2254074834	Lê Văn Hậu	64LG1	23	29	3.5	12	67.5	
139	161	2251213107	Nguyễn Công Hậu	64TĐH3	21.5	22	15	13	71.5	Đạt
140	162	2251243316	Nguyễn Thị Hiền	64ĐTVT2	21	18.5	11.5	15	66	Đạt
141	163	2151012045	Nguyễn Thị Thu Hiền	63C1	27	18	12.5	13	70.5	Đạt
142	164	2254074838	Nguyễn Thị Thu Hiền	64LG1	22	25.5	15	12	74.5	Đạt
143	165	2251010041	Vương Thị Thu Hiền	64C1	14	1	6	3	24	
144	166	2051020081	Cao Gia Hiền	62N	26.5	15	14.5	16	72	Đạt
145	167	2254044232	Cảnh Chi Hiệp	64KTXD1	27.5	24	15.5	15	82	Đạt
146	168	2251231536	Nguyễn Bá Hiệp	64KTO2	16	2	7.5	10	35.5	
147	169	2051125096	Bùi Văn Hiếu	62KTĐ-HTĐ	8	14	2.5	9	33.5	
148	174	2251201303	Bùi Xuân Minh Hiếu	64CĐT2	18	15.5	10	13	56.5	Đạt
149	175	2251231538	Đào Thế Hiếu	64KTO3	19	9	4.5	7	39.5	
150	177	2251201304	Đỗ Ngọc Hiếu	64CĐT2	21.5	23.5	11	13	69	Đạt
151	178	2251040207	Đoàn Hữu Hiếu	64CX3	17	14.5	7	12	50.5	Đạt
152	179	2251040208	Hoàng Trung Hiếu	64CX3	14.5	0	7.5	4	26	
153	180	2251243322	Huỳnh Trung Hiếu	64ĐTVT4	10	2	7.5	6	25.5	
154	181	2251201306	Lâm Minh Hiếu	64CĐT2	20	11	7.5	10	48.5	
155	183	2251213112	Nguyễn Trung Hiếu	64TĐH1	18.5	12.5	10.5	9	50.5	Đạt
156	184	2251201318	Nguyễn Minh Hiếu	64CĐT2	21	13.5	9	10	53.5	Đạt
157	185	2251213116	Dương Đăng Hiệu	64TĐH3	9	10.5	4	8	31.5	
158	186	2154045425	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	63KTXD1	27.5	16.5	6	13	63	Đạt
159	187	2254084970	Nguyễn Thị Hoa	64TCNH1	19.5	12	6.5	9	47	
160	188	2151133500	Đỗ Minh Hòa	63GT	17	10.5	5	9	41.5	
161	189	2254023821	Nguyễn Ngọc Hòa	64QT3	25.5	25	14	15	79.5	Đạt
162	190	2254074844	Nguyễn Văn Hòa	64LG1	30	28.5	18.5	18	95	Đạt
163	191	2051215394	Đỗ Văn Hoàng	62TĐH-ĐK1	16.5	12.5	13.5	11	53.5	Đạt
164	192	2051120937	Lê Huy Hoàng	62KTĐ-NLTT	18	11	15	10	54	Đạt
165	193	2151052515	Nguyễn Quốc Hoàng	63CK-MXD	19	18.5	6	9	52.5	Đạt
166	195	2251201321	Chu Huy Hoàng	64CĐT2	17	5	11.5	10	43.5	
167	196	2254074847	Đàm Huy Hoàng	64LG1	17	22.5	6	12	57.5	Đạt
168	197	2251201324	Đỗ Việt Hoàng	64CĐT4	27.5	19	10	11	67.5	Đạt
169	198	2251201325	Lê Minh Hoàng	64CĐT3	18	19	9	11	57	Đạt
170	199	2251040219	Lê Việt Hoàng	64CX3	22	6.5	7.5	6	42	
171	200	2253015459	Nguyễn Huy Hoàng	64LUAT1	24	24	17.5	14	79.5	Đạt
172	202	2251122887	Nguyễn Ngọc Hoàng	64KTĐ1	13	4.5	2.5	4	24	
173	203	2051060527	Lương Chung Hội	62TH-NB	28.5	29	16	14	87.5	Đạt
174	204	2151052519	Nguyễn Vũ Hợp	63CK-MXD	23.5	13	5.5	12	54	
175	205	2251122894	Ngô Anh Huân	64KTĐ1	15	16.5	7.5	12	51	Đạt
176	206	2051062307	Nguyễn Công Huân	62TH	14.5	10	10	10	44.5	
177	207	2154031014	Nguyễn Thị Huệ	63KT2	24	29	3	12	68	
178	208	2051060531	Bùi Duy Hùng	62TH2	24	28	13.5	11	76.5	Đạt
179	209	2154045430	Nguyễn Huy Hùng	63KTXD3	13.5	16.5	8.5	12	50.5	Đạt
180	210	2151022152	Nguyễn Văn Hùng	63N	25.5	10.5	9	14	59	Đạt
181	211	2051124905	Trần Văn Hùng	62KTĐ-ĐCN	28	25	20	14	87	Đạt
182	213	2251051060	Nguyễn Văn Hùng	64CTM	23.5	24.5	9	12	69	Đạt
183	214	2251243335	Phạm Xuân Hùng	64ĐTVT1	23	26	20	12	81	Đạt

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
184	216	2251243336	Đào Quang	Hưng	64ĐTVT4	25.5	14.5	14.5	16	70.5	Đạt
185	217	2251201334	Mai Sỹ	Hưng	64CĐT3	20	19	16.5	15	70.5	Đạt
186	218	2251140787	Trần Văn	Hưng	64QLXD3	19	15	9	11	54	Đạt
187	219	2254105284	Nguyễn Mai	Hương	64KTS3	22	13	15	16	66	Đạt
188	220	2151170587	Ngô Văn	Hướng	63KTPM1	18	19.5	9	12	58.5	Đạt
189	222	2251040242	Nguyễn Văn	Hưởng	64CX3	18	6	7.5	6	37.5	
190	223	2151012060	Nguyễn Đức	Huy	63C1	24.5	11.5	12	13	61	Đạt
191	225	2251243341	Đỗ Hữu Quang	Huy	64ĐTVT1	19	17.5	10	12	58.5	Đạt
192	226	2251231556	Đoàn Quang	Huy	64KTO2	11.5	7	6	7	31.5	
193	227	2254054501	Lữ Trọng	Huy	64TMĐT1	24	19	14.5	14	71.5	Đạt
194	228	2251243343	Nguyễn Đức	Huy	64ĐTVT3	19	25	4.5	10	58.5	
195	231	2051145600	Nguyễn Thị	Huyền	62QLXD-KT1	6.5	3	12	8	29.5	
196	232	2254023832	Đặng Thị	Huyền	64QT1	18.5	20	14.5	12	65	Đạt
197	233	2254023833	Đào Thị Thu	Huyền	64QT3	25	16.5	9	13	63.5	Đạt
198	234	2254054502	Dương Ngọc	Huyền	64TMĐT2	25.5	12.5	11	14	63	Đạt
199	235	2254034023	Hoàng Thu	Huyền	64KT1	22	28	18.5	15	83.5	Đạt
200	236	2251130617	Đỗ Thế	Huỳnh	64GT1	18.5	15	13	17	63.5	Đạt
201	237	2151244580	Nguyễn Thông	Kha	63ĐTVT2	14	4	5.5	12	35.5	
202	238	2251201342	Hoàng Ngọc	Khải	64CĐT2	24.5	18	12	13	67.5	Đạt
203	239	2254044267	Đào Ngọc	Khánh	64KTXD3	16	4	1.5	12	33.5	
204	241	2251201343	Lê Gia	Khánh	64CĐT3	18	3.5	9	13	43.5	
205	242	2254023840	Ngô Thị	Khánh	64QT2	25.5	25	13.5	12	76	Đạt
206	243	2251243360	Nguyễn Hữu	Khánh	64ĐTVT1	12	6	7	10	35	
207	244	2251231571	Nguyễn Ngọc	Khánh	64KTO2	24.5	18	6	13	61.5	Đạt
208	245	2251122920	Nguyễn Cường	Khoa	64KTĐ3	20	11	12	13	56	Đạt
209	246	2251051088	Hoàng Minh	Khuê	64CK-MXD	12.5	5.5	3	12	33	
210	249	2251010054	Trần Xuân	Kiên	64C1	12	6	5.5	4	27.5	
211	250	2151010031	Chu Tuấn	Kiệt	63C1	23	5	12	13	53	
212	251	2051125077	Đặng Đình	Lâm	62KTĐ-HTĐ	24.5	10.5	14.5	12	61.5	Đạt
213	252	2051215386	Đỗ Thanh	Lâm	62TĐH-ĐK4	23	22	14.5	16	75.5	Đạt
214	253	2151190607	Lê Thị Mỹ	Lê	63SH	20	8	5.5	13	46.5	
215	255	2151090332	Nguyễn Thị Thuý	Linh	63MT	19	8.5	4.5	17	49	
216	256	2154045455	Nguyễn Thuý	Linh	63KTXD1	13	5	9	10	37	
217	257	2154051089	Trần Thị	Linh	63TMDT2	29	25.5	11	12	77.5	Đạt
218	258	2251110467	Đào Duy	Linh	64CT1	20.5	12	10	4	46.5	
219	259	2254044281	Đỗ Thị Diệu	Linh	64KTXD1	18	7	10.5	4	39.5	
220	261	2254034030	Hà Bảo	Linh	64KT1	28.5	29	8.5	14	80	Đạt
221	262	2254074860	Lê Thị Khánh	Linh	64LG1	24	22.5	18	12	76.5	Đạt
222	264	2254013663	Nguyễn Phương	Linh	64K2	26.5	26	15	7	74.5	Đạt
223	265	2254034038	Nguyễn Phương	Linh	64KT1	21	20	17.5	12	70.5	Đạt
224	266	2254044291	Đặng Phúc	Lộc	64KTXD4	16.5	3	3	4	26.5	
225	267	2251130630	Nguyễn Minh	Lộc	64GT2	9.5	2	6	4	21.5	
226	269	2251231585	Nguyễn Đăng	Lợi	64KTO2	10	2	1.5	4	17.5	
227	270	2051054113	Đặng Đức	Long	62CK-MXD	9.5	0	4.5	4	18	
228	271	2151052560	Đoàn Hoàng	Long	63CK-QLM	14.5	1.5	8.5	4	28.5	
229	272	1951060837	Vũ Duy	Long	61PM2	15	3	4	4	26	
230	273	2251243378	Lê Công Thành	Long	64ĐTVT4	20	20.5	5.5	13	59	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
231	274	2251185724	Trịnh Hoàng Long	64KTH	29	21.5	16.5	12	79	Đạt
232	275	2251051101	Trần Văn Luân	64CK-CNCK	21.5	5	10	3	39.5	
233	277	2251243382	Lê Xuân Lương	64ĐTVT1	24	16.5	11.5	10	62	Đạt
234	278	2251231595	Nguyễn Xuân Lương	64KTO3	26.5	16	12	6	60.5	Đạt
235	279	2251201360	Trần Đức Lương	64CDT4	29	25	17.5	10	81.5	Đạt
236	280	2251130632	Trịnh Đức Lương	64GT2	18	8	13	7	46	
237	281	2251130633	Hoàng Đình Lưu	64GT2	15.5	7	11.5	8	42	
238	282	2254044303	Nguyễn Văn Luyến	64KTXD3	23.5	25	10	15	73.5	Đạt
239	283	2254034048	Nguyễn Quỳnh Mai	64KT1	30	27	11	15	83	Đạt
240	284	2254034050	Nguyễn Thị Ngọc Mai	64KT1	30	27	16	17	90	Đạt
241	286	2051234880	Bùi Văn Mạnh	62KTO4	21.5	10	10	11	52.5	Đạt
242	287	2151204063	Đinh Thế Mạnh	63CDT3	19	12	3	4	38	
243	289	2151103087	Lê Quang Mạnh	63HP	0	0	BT	BT	0	
244	290	2051132360	Lưu Thế Mạnh	62GT	16.5	9	3	3	31.5	
245	291	2051215272	Phạm Tiến Mạnh	62TĐH-ĐK1	29	29	16.5	15	89.5	Đạt
246	292	2254074871	Nguyễn Đức Mạnh	64LG1	26	24	15.5	16	81.5	Đạt
247	293	2251130634	Nguyễn Hùng Mạnh	64GT2	16	1	10	3	30	
248	294	2251040274	Trần Văn Mạnh	64CX2	21	14	14	14	63	Đạt
249	295	2251201368	Vũ Xuân Mạnh	64CDT4	18	12	10.5	9	49.5	
250	296	2051043067	Nguyễn Tuấn Minh	62CX1	22.5	17	7.5	4	51	
251	297	2254105315	Bùi Nhật Minh	64KTS3	13	1	8.5	10	32.5	
252	300	2251201370	Hà Nhật Minh	64CDT4	22	15	14	10	61	Đạt
253	301	2251051106	Lê Hoàng Minh	64CK-QLM	24.5	22	12.5	15	74	Đạt
254	302	2251051108	Lê Thế Minh	64CK-TDH	19.5	13	8.5	6	47	
255	303	2251122939	Lê Văn Minh	64KTĐ3	15.5	11	12	6	44.5	
256	304	2251231605	Ngô Dương Minh	64KTO1	24	13	6	12	55	Đạt
257	305	2251195830	Ngô Gia Minh	64CNSH1	25	23	13	10	71	Đạt
258	306	2251201374	Nguyễn Duy Minh	64CDT4	13.5	8	5.5	4	31	
259	308	2051204589	Đỗ Xuân Nam	62CDT1	17.5	9	13.5	14	54	Đạt
260	309	2054026099	Lại Hữu Nam	62QT-TMĐT3	17.5	9	6	7	39.5	
261	310	2151060247	Lê Như Nam	63CNTT1	19	15	11.5	16	61.5	Đạt
262	311	2151140468	Nông Quốc Giang Nam	63QLXD2	24	7	12	10	53	
263	313	2251185731	Lê Văn Nam	64KTH	9.5	3	6	7	25.5	
264	314	2251243401	Nguyễn Văn Nam	64ĐTVT3	19.5	9	8.5	13	50	Đạt
265	315	2251201381	Nguyễn Văn Nam	64CDT4	25	22	16	15	78	Đạt
266	316	2254034062	Nguyễn Thị Nga	64KT2	21	24	16.5	13	74.5	Đạt
267	318	2051204558	Lê Đình Nghĩa	62CDT3	16.5	5	7.5	7	36	
268	319	1951060890	Nguyễn Trọng Nghĩa	61PM2	19	10	7	10	46	
269	320	2051124986	Nguyễn Văn Nghĩa	62KTĐ-NLTT	15	18	6.5	6	45.5	
270	321	2251110489	Lại Minh Nghĩa	64CT3	24.5	12	10	14	60.5	Đạt
271	323	2251201386	Nguyễn Tuấn Nghĩa	64CDT1	21	16	11	10	58	Đạt
272	326	2251051121	Lê Nguyên Ngọc	64CK-CNCK	14.5	7	9	8	38.5	
273	327	2254105330	Lê Thị Ngọc	64KTS3	24.5	16	17.5	12	70	Đạt
274	328	2254105334	Vũ Thị Ngọc	64KTS3	26	19	19	12	76	Đạt
275	330	2251040293	Hoàng Văn Nhất	64CX3	16.5	14	9	13	52.5	Đạt
276	331	2154045488	Nguyễn Thị Nhi	63KTXD1	16.5	15	10	14	55.5	Đạt
277	332	2251243408	Đặng Quang Ninh	64ĐTVT3	21	18	10	10	59	Đạt

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
278	333	2254013702	Đỗ Thùy	Ninh	64K2	25	22	16.5	14	77.5	Đạt
279	335	1952024789	Chuesor	Paitiaxong	61C	16.5	10	4	13	43.5	
280	336	2151204086	Nguyễn Văn	Phái	63CĐT1	19.5	10	10.5	15	55	Đạt
281	338	2251243409	Hoàng	Phát	64ĐTVT4	22	7	8.5	13	50.5	
282	339	1952014788	Souphin	Phommavongsa	61N	16	5.3	15	14	50.3	
283	340	1951060912	Đỗ Văn	Phong	61TH-NB	27.5	9	5.5	15	57	
284	341	2051125134	Lê Quốc	Phong	62KTĐ-NLTT	24	10	11.5	13	58.5	Đạt
285	342	2251051126	Lê Đình	Phong	64CK-CNCK	29	23	18.5	17	87.5	Đạt
286	343	2251243412	Vũ Huy	Phong	64ĐTVT1	29	16	16	16	77	Đạt
287	344	2251231622	Đào Văn	Phú	64KTO3	25.5	19	14.5	15	74	Đạt
288	345	2051133262	Lê Hồng	Phúc	62GT	13.5	9	10.5	10	43	
289	346	2051215325	Mai Đình	Phúc	62TĐH-ĐK1	16.5	11	7	16	50.5	Đạt
290	347	2251051128	Lê Anh	Phúc	64CK-QLM	19	14	11.5	14	58.5	Đạt
291	348	2251213169	Lò Ngọc	Phúc	64TĐH1	24	25	17	15	81	Đạt
292	349	2251201397	Lưu Bảo	Phúc	64CĐT4	17.5	7	9.5	6	40	
293	350	2251201398	Nguyễn Bảo	Phúc	64CĐT2	25	21	10	15	71	Đạt
294	351	2251231624	Nguyễn Hoàng	Phúc	64KTO2	17	7	11.5	6	41.5	
295	352	2251185739	Phan Sỹ	Phúc	64KTH	24	26	12.5	12	74.5	Đạt
296	354	2154031271	Đinh Thị Thu	Phương	63KT3	17.5	26	12.5	11	67	Đạt
297	355	2051042388	Ngô Mạnh	Phương	62TĐH-ĐK3	18.5	24.5	11	7	61	Đạt
298	357	2253015514	Đỗ Thị	Phương	64LUAT1	26	25	11	14	76	Đạt
299	358	2254034086	Đỗ Thị Minh	Phương	64KT1	28	26.5	12	17	83.5	Đạt
300	360	2251010084	Trịnh Thị	Phương	64C1	24	16.5	9.5	13	63	Đạt
301	361	2254044344	Trình Thu	Phương	64KTXD4	22	15.5	15.5	15	68	Đạt
302	362	2254085014	Võ Thị	Phương	64TCNH2	17.5	2	12	6	37.5	
303	364	2151133518	Hoàng Minh	Quân	63GT	17.5	3.5	9.5	6	36.5	
304	365	2154041062	Lê Văn	Quân	63KTXD3	23.5	9	11	8	51.5	Đạt
305	366	CT51010419	Quách Hồng	Quân	63C1	25.5	13	15	18	71.5	Đạt
306	367	2154071150	Vũ Đoan	Quân	63LG1	25.5	23	15	19	82.5	Đạt
307	368	2251243419	Đinh Anh	Quân	64ĐTVT4	14	11.5	7.5	9	42	
308	369	2251201405	Đỗ Hồng	Quân	64CĐT4	13	7.5	8.5	14	43	
309	371	2251110502	Trần Thế	Quân	64CT3	23	10.5	4.5	12	50	
310	372	2051145558	Cao Văn	Quang	62QLXD-KT2	14.5	2.5	6.5	9	32.5	
311	373	2151012090	Lê Minh	Quang	63C1	22	12.5	5.5	6	46	
312	375	2251283547	Nguyễn Hồng	Quang	64KTRB	27	24.5	11.5	16	79	Đạt
313	376	2251185744	Nguyễn Thiện	Quang	64KTH	15.5	6	7	BT	28.5	
314	377	2254105345	Nguyễn Văn	Quang	64KTS1	18	12.5	6.5	13	50	Đạt
315	378	2251040314	Nguyễn Văn	Quang	64CX3	18	12	11.5	12	53.5	Đạt
316	379	2251051136	Phạm Ngọc	Quang	64CK-TDH	22	19	9.5	9	59.5	Đạt
317	380	2251231629	Tô Đăng	Quang	64KTO2	23	16.5	8.5	15	63	Đạt
318	381	2151012092	Lê Văn	Quảng	63C1	20	13.5	7	14	54.5	Đạt
319	382	2151214279	Lường Minh	Quốc	63TĐH3	28	24	19	14	85	Đạt
320	383	2251283548	Dương Văn	Quốc	64KTRB	15	7.5	7.5	9	39	
321	384	2254054559	Bùi Anh	Quý	64TMĐT1	15.5	13.5	7.5	12	48.5	
322	385	2251130650	Đặng Xuân	Quý	64GT2	21.5	21.5	4	8	55	
323	386	2051133274	Nguyễn Hữu	Quyên	62GT	22	11	10.5	12	55.5	Đạt
324	387	2251122981	Cao Xuân	Quyết	64KTĐ2	23	6.5	7.5	7	44	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
325	388	2151231224	Nguyễn Văn Quỳnh	63KTO2	16	19	13.5	10	58.5	Đạt
326	389	2254105346	Đỗ Như Quỳnh	64KTS2	28.5	26.5	19	17	91	Đạt
327	390	2254034090	Nguyễn Như Quỳnh	64KT2	24	24	15	10	73	Đạt
328	391	2251122983	Trần Văn Sang	64KTĐ2	18	13	11	11	53	Đạt
329	392	2251201409	Nguyễn Văn Sáng	64CĐT3	16	10	7.5	10	43.5	
330	393	2051054194	Đặng Thế Sinh	62CK-QLM	14	9	11.5	6	40.5	
331	394	2151214286	Đặng Đình Sơn	63TĐH3	14	16	11.5	8	49.5	
332	395	2051054145	Hà Mạnh Sơn	62CK-CNCK	24	16.5	8.5	13	62	Đạt
333	396	2051215426	Nguyễn Văn Sơn	62TĐH-ĐK1	16	2	8.5	7	33.5	
334	398	2251110508	Hoàng Như Sơn	64CT3	13.5	13	10	9	45.5	
335	399	2251051143	Ngô Xuân Sơn	64CK-CNCK	11	9	8.5	8	36.5	
336	400	2251201411	Nguyễn Phúc Sơn	64CĐT2	24	15	11.5	10	60.5	Đạt
337	401	2251231634	Nguyễn Văn Sơn	64KTO3	16	11	4.5	6	37.5	
338	403	2051113227	Lương Thế Tài	62CT	13	5.5	7.5	BT	26	
339	404	2251213179	Đậu Văn Tài	64TĐH1	27.5	20.5	20	7	75	Đạt
340	406	2251051147	Nguyễn Văn Tài	64CK-CNCK	18	11	7	11	47	
341	407	2251283550	Nguyễn Văn Tài	64KTRB	11	6.5	5.5	6	29	
342	408	1951060992	Bùi Thanh Tâm	61TH3	30	23	7	11	71	Đạt
343	409	2154020954	Phan Thành Tâm	63QT4	30	30	20	18	98	Đạt
344	410	2251201414	Tạ Bá Tâm	64CĐT4	29	26.5	8.5	12	76	Đạt
345	411	2251243435	Đinh Văn Tân	64ĐTVT1	22	26	4	11	63	
346	412	2251213185	Ngô Duy Tân	64TĐH3	15.5	9.5	12.5	10	47.5	
347	413	2251201416	Hoàng Trọng Tấn	64CĐT1	19	15	9	10	53	Đạt
348	415	2251213186	Nguyễn Hoàng Thái	64TĐH2	29	25.5	14	14	82.5	Đạt
349	416	2251243437	Nguyễn Thành Thái	64ĐTVT1	26.5	19.5	18.5	14	78.5	Đạt
350	417	2151200629	Nguyễn Đức Thắng	63CĐT2	24	22	15.5	13	74.5	Đạt
351	418	2151120390	Đặng Quang Thắng	63KTĐ2	18	12	10.5	7	47.5	
352	419	2151244612	Lê Đức Thắng	63ĐTVT1	28.5	25	6	13	72.5	Đạt
353	421	2051063535	Nguyễn Duy Thắng	62TH1	18.5	4.5	1.5	BT	24.5	
354	422	2151120399	Nguyễn Văn Thắng	63KTĐ2	10.5	13.5	6	12	42	
355	424	2051043154	Trịnh Xuân Thắng	62CX2	8.5	3.5	3	BT	15	
356	425	2251051152	Đinh Đức Thắng	64CTM	24	19	12	12	67	Đạt
357	426	2251213190	Nguyễn Đức Thắng	64TĐH2	27.5	29	16.5	14	87	Đạt
358	427	2251051154	Nguyễn Tất Thắng	64CK-QLM	25	18.5	11.5	8	63	Đạt
359	428	2251231647	Phan Hữu Thắng	64KTO3	21.5	24.5	4.5	7	57.5	
360	429	2251130659	Trần Trung Thắng	64GT2	20	13.5	10	12	55.5	Đạt
361	430	2251140893	Đào Phương Thanh	64QLXD3	25.5	13	11	11	60.5	Đạt
362	431	2251201422	Hồ Hữu Thanh	64CĐT3	23	13.5	4	8	48.5	
363	432	2251213191	Nguyễn Hoài Thanh	64TĐH1	16	16.5	8.5	10	51	Đạt
364	433	2254054569	Nguyễn Thị Thanh	64TMĐT1	24.5	28	11.5	10	74	Đạt
365	434	2051124938	Cao Văn Thành	62KTĐ-NLTT	21.5	15.5	8.5	9	54.5	Đạt
366	435	2051204350	Nguyễn Phú Thành	62CĐT.NB	9.5	6	6	BT	21.5	
367	436	2051120971	Nguyễn Tiến Thành	62KTĐ-HTĐ	18	12	14.5	8	52.5	Đạt
368	437	2151204098	Nguyễn Trung Thành	63CĐT1	26.5	25	15.5	13	80	Đạt
369	438	2151244611	Trần Tuấn Thành	63ĐTVT1	18.5	22	4.5	12	57	
370	439	2251185751	Bùi Đình Thành	64KTH	19.5	15	10	11	55.5	Đạt
371	440	2254105358	Lê Xuân Thành	64KTS2	19	11.5	12	4	46.5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
372	441	2251243444	Mai Ngọc Thành	64ĐTVT2	23	18.5	14.5	11	67	Đạt
373	442	2251216749	Nguyễn Đức Thành	64TĐH1	19.5	12	7.5	6	45	
374	443	2251051158	Nguyễn Tuấn Thành	64CTM	26	29.5	20	14	89.5	Đạt
375	444	2251185752	Phạm Như Thành	64KTH	12.5	5	4.5	4	26	
376	445	2251123000	Trần Như Thành	64KTĐ2	17.5	13.5	9	7	47	
377	447	2254034098	Cao Phương Thảo	64KT1	21.5	19	9.5	7	57	Đạt
378	448	2254054578	Hoàng Mai Thiện	64TMDT2	19	24.5	12	15	70.5	Đạt
379	450	2151204103	Đặng Khắc Thịnh	63CĐT2	20	16.5	17	14	67.5	Đạt
380	451	2254105364	Nguyễn Văn Thịnh	64KTS3	17.5	13	8	11	49.5	
381	453	2251231658	Trần Xuân Thọ	64KTO1	30	28.5	20	17	95.5	Đạt
382	454	2154051111	Lê Hà Thu	63TMDT2	30	24.5	14.5	19	88	Đạt
383	456	2251110524	Nguyễn Công Thụ	64CT3	19.5	0	9.5	4	33	
384	457	2051231592	Quách Đức Thực	62CX1	19.5	15	11	10	55.5	Đạt
385	458	2254013731	Tạ Thị Thương	64K1	26	22	13.5	7	68.5	Đạt
386	459	2254044386	Nguyễn Phương Thúy	64KTXD3	26	23	17.5	19	85.5	Đạt
387	460	2254095192	Phan Thanh Thủy	64KTA2	7.5	2	4.5	2	16	
388	461	2251185757	Phạm Thanh Tích	64KTH	25	20	6.5	17	68.5	Đạt
389	462	2251201433	Đỗ Văn Tiêm	64CĐT2	22	18.5	8	15	63.5	Đạt
390	463	2254074911	Đỗ Thị Tiên	64LG2	24.5	25.5	15	13	78	Đạt
391	464	2251201434	Lê Đình Tiên	64CĐT1	24	18	10	14	66	Đạt
392	465	2151052657	Đỗ Văn Tiến	63CTM	25.5	20.5	12	14	72	Đạt
393	466	2251051169	Đặng Minh Tiến	64CK-TDH	18	5	4.5	10	37.5	
394	467	2251201435	Lê Đức Tiến	64CĐT3	18.5	19.5	4	12	54	
395	468	2254105378	Nguyễn Công Tiến	64KTS2	18	25.5	6.5	16	66	Đạt
396	469	2251243453	Nguyễn Đình Tiến	64ĐTVT2	17	16.5	7.5	10	51	Đạt
397	470	2251231662	Nguyễn Văn Tiến	64KTO3	25	18	14.5	16	73.5	Đạt
398	471	2251110526	Trần Hữu Tiến	64CT3	21.5	12.5	11.5	6	51.5	Đạt
399	472	2251051171	Vũ Mạnh Tiến	64CTM	20.5	26.5	7.5	12	66.5	Đạt
400	473	2251040343	Vũ Văn Tiến	64CX3	17.5	4.5	7.5	7	36.5	
401	474	2251040344	Nguyễn Ngọc Tiến	64CX3	10.5	6	9	6	31.5	
402	475	1951201792	Nguyễn Văn Tín	61CĐT1	24	15	11.5	3	53.5	
403	476	2251283561	Nguyễn Văn Tính	64KTRB	23.5	28	8.5	11	71	Đạt
404	477	2151200643	Nguyễn Trần Tình	63CĐT2	26.5	21	8.5	12	68	Đạt
405	479	2251201437	Đoàn Văn Toại	64CĐT2	15.5	15.5	11	10	52	Đạt
406	480	2151012111	Đào Văn Toàn	63C1	16	10.5	11.5	4	42	
407	481	2254105379	Hoàng Vy Toàn	64KTS3	15	3	9	4	31	
408	482	2251051176	Nguyễn Mạnh Toàn	64CK-MXD	20.5	20.5	7	14	62	Đạt
409	483	2251243458	Nguyễn Mạnh Toàn	64ĐTVT2	23.5	18	12.5	15	69	Đạt
410	484	2251051177	Nguyễn Quốc Toàn	64CK-CNCK	11.5	17	1.5	10	40	
411	485	2254044391	Đinh Thị Thanh Trà	64KTXD4	21.5	15	9	4	49.5	
412	486	2254044393	Đặng Vũ Huyền Trang	64KTXD3	13.5	1.5	6	4	25	
413	487	2254013739	Đoàn Thị Thủy Trang	64K2	18	20	12.5	11	61.5	Đạt
414	488	2253015542	Lê Huyền Trang	64LUAT1	20.5	21	6.5	12	60	Đạt
415	489	2254074918	Ngô Thị Thùy Trang	64LG1	29	27.5	11.5	18	86	Đạt
416	490	2254044404	Nguyễn Thu Trang	64KTXD4	25	26	18.5	13	82.5	Đạt
417	491	2251185760	Trần Thị Trang	64KTH	27	23.5	18.5	16	85	Đạt
418	492	2254044406	Vũ Thị Trang	64KTXD4	24.5	11	11.5	6	53	Đạt

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
419	493	2254085044	Nguyễn Kiều Tri	64TCNH1	23	19.5	8	14	64.5	Đạt
420	495	2251231663	Lương Văn Triệu	64KTO1	20.5	6	10	12	48.5	
421	496	2251231664	Trịnh Văn Triệu	64KTO2	17.5	3	3	6	29.5	
422	497	2151011316	Đoàn Thị Trinh	63C1	29	27	10	17	83	Đạt
423	498	2251213207	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	64TĐH1	25	29	12.5	13	79.5	Đạt
424	499	2254095199	Đỗ Minh Trọng	64KTA2	14.5	14	9	6	43.5	
425	500	2254074921	Hà Phú Trọng	64LG1	24	22	15	12	73	Đạt
426	501	2051033370	Lại Bảo Trung	62V	14.5	4.5	4.5	4	27.5	
427	502	2154045533	Lê Đức Trung	63KTXD1	14	3	6	2	25	
428	503	2251231665	Đoàn Thế Trung	64KTO2	12.5	10	9	6	37.5	
429	505	2251213210	Phạm Trọng Trung	64TĐH2	25	27.5	15	10	77.5	Đạt
430	506	2051125035	Lê Công Trường	62KTĐ-NLTT	25.5	13.5	7.5	4	50.5	
431	507	2151234525	Nguyễn Hữu Trường	63KTO2	17	22	14	11	64	Đạt
432	508	1954020001	Nguyễn Huy Trường	61CX	27	28.5	16	14	85.5	Đạt
433	509	2254054596	Bùi Quang Trường	64TMĐT1	21	20	11.5	12	64.5	Đạt
434	510	2251243468	Hoàng Xuân Trường	64ĐTVT2	18	16.5	7.5	3	45	
435	511	2251201444	Khương Viết Trường	64CĐT2	18.5	11	4.5	9	43	
436	512	2251123024	Lê Duy Trường	64KTĐ4	15	14.5	7	15	51.5	Đạt
437	513	2251231667	Nguyễn Mạnh Trường	64KTO2	12	4.5	4.5	14	35	
438	514	2251130667	Nguyễn Quang Trường	64GT2	20	4	9	8	41	
439	516	2251201449	Trịnh Đình Trường	64CĐT4	11	7.5	7.5	5	31	
440	519	2151012122	Trần Văn Tú	63C1	18	23.5	7.5	13	62	Đạt
441	520	2251040349	Lương Phương Tú	64CX3	21.5	16	3	13	53.5	
442	522	2251243470	Phạm Anh Tú	64ĐTVT4	14.5	26	6	13	59.5	Đạt
443	523	2251231669	Lê Ngọc Tuấn	64KTO1	27	25.5	7.5	13	73	Đạt
444	524	2251201460	Nguyễn Văn Tuấn	64CĐT1	12.5	2	6	5	25.5	
445	530	2251243478	Phạm Anh Tuấn	64ĐTVT4	15	17	6	13	51	Đạt
446	531	2151204127	Đặng Đình Tùng	63CĐT1	22.5	13	6	8	49.5	
447	532	2151123459	Đoàn Lâm Tùng	63KTĐ2	17.5	11.5	8.5	12	49.5	
448	535	1951232389	Nguyễn Thanh Tùng	61KTO-CN1	23	11	10	11	55	Đạt
449	537	2254013749	Nguyễn Thanh Tùng	64K1	17.5	22	9.5	10	59	Đạt
450	538	2251243483	Nguyễn Thanh Tùng	64ĐTVT4	18	5	7.5	10	40.5	
451	539	2251243484	Nguyễn Tiến Tùng	64ĐTVT1	12.5	3.5	6	10	32	
452	540	2251201465	Nguyễn Văn Tùng	64CĐT4	15	4.5	7.5	11	38	
453	541	2251130675	Vương Hải Tùng	64GT2	17	3	12	14	46	
454	542	2254105392	Nguyễn Đình Tường	64KTS2	24.5	21	12	15	72.5	Đạt
455	543	2251201466	Lê Văn Tuy	64CĐT4	25	18	11	15	69	Đạt
456	544	2254034125	Đỗ Thị Ánh Tuyết	64KT1	22	3	14.5	9	48.5	
457	545	2154061121	Nguyễn Thị Tú Uyên	63QTDL2	28	16	12.5	17	73.5	Đạt
458	546	2254054599	Phạm Thị Phương Uyên	64TMĐT1	18	16	12.5	15	61.5	Đạt
459	547	2251195877	Vũ Thảo Uyên	64CNSH1	23	16.5	15	17	71.5	Đạt
460	548	2254095205	Đỗ Thị Cẩm Vân	64KTA2	27	27	14	15	83	Đạt
461	549	2251201467	Lê Thạc Thảo Văn	64CĐT1	28	20	15	14	77	Đạt
462	550	2051120985	Phạm Văn Vàng	62KTĐ-ĐCN	15.5	12	17	15	59.5	Đạt
463	552	2251201469	Đặng Quốc Việt	64CĐT4	25	11	7	12	55	Đạt
464	554	2251213226	Tôn Mạnh Việt	64TĐH1	26	20	10	14	70	Đạt
465	555	2251231682	Chu Quang Vinh	64KTO3	17.5	10	4.5	13	45	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Tổng điểm	Ghi chú
466	556	2251213227	Đào Duy Vinh	64TĐH2	10.5	6	4.5	4	25	
467	558	2251040360	Nguyễn Văn Vinh	64CX3	15.5	18	6	14	53.5	Đạt
468	559	2251231686	Lương Đại Võ	64KTO2	23	11	7.5	15	56.5	Đạt
469	560	2251110555	Nguyễn Đông Võ	64CT3	20.5	3	10.5	4	38	
470	561	2151210673	Nguyễn Đăng Vũ	63TĐH3	26	20	9	16	71	Đạt
471	562	2154010913	Nguyễn Long Vũ	63K1	23	12	16	17	68	Đạt
472	563	2251213228	Nguyễn Long Vũ	64TĐH1	25	13	12	10	60	Đạt
473	564	2251123051	Nguyễn Trường Vũ	64KTĐ2	24.5	3	7.5	BT	35	
474	565	2251051208	Nguyễn Tuấn Vũ	64CK-TDH	25	20	10	15	70	Đạt
475	566	2051022302	Phạm Văn Vương	62V	10	4.5	3	BT	17.5	
476	567	2251231688	Phạm Đức Vượng	64KTO3	25.5	25	17.5	18	86	Đạt
477	568	2054011811	Thân Hà Nhật Vy	62K-ĐT2	22	20.5	7.5	14	64	Đạt
478	569	2254034134	Nguyễn Hải Yên	64KT2	27.5	19.5	17.5	12	76.5	Đạt
479	570	2254105402	Trần Thị Phi Yên	64KTS3	26	23	17.5	13	79.5	Đạt

Nơi nhận:

- BGH (đề b/c);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, PĐT(HT.5b).

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
(Đã ký)

TS. Trần Khắc Thạc